

Số: 3141 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính nhà nước  
năm 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành  
Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của Chủ tịch Ủy  
ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước  
thành phố Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 5112/SNV-  
CCHC&PC ngày 25/7/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch kiểm tra công tác  
cải cách hành chính nhà nước năm 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng”.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội  
vụ, Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu  
và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết  
định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ; VP Chính phủ;
- TT TU, TT HĐNDTP;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Các PCT UBNDTP;
- Báo và Phát thanh, truyền hình HP;
- Chuyên đề ANHP;
- Các PCVP UBNDTP;
- Các phòng: NVKTGS, TC, HC-QT;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, N.T.Thuỷ.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Châu**

## **KẾ HOẠCH**

**Kiểm tra công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2025**

**trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*(Kèm theo Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình kế hoạch, kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.
- Đôn đốc, hướng dẫn, chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố về tiến độ, hiệu quả, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực cải cách hành chính (CCHC).
- Đánh giá những nội dung đã làm được, phát hiện kịp thời những sáng kiến kinh nghiệm, mô hình hiệu quả để có phương án nhân rộng mô hình trong toàn thành phố.
- Đánh giá những nội dung chưa làm được, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện chỉ đạo của Trung ương và thành phố về công tác CCHC, qua đó xác định những vấn đề cần tập trung chỉ đạo hoặc bổ sung, điều chỉnh trong thời gian tiếp theo.
- Kết quả kiểm tra công tác CCHC là căn cứ đánh giá kết quả công tác CCHC năm 2025, xác định Chỉ số CCHC năm 2025 và là một trong những tiêu chí, cơ sở quan trọng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đánh giá người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### **2. Yêu cầu**

- Hoạt động kiểm tra đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chính xác, khách quan và trung thực; không làm cản trở hoạt động chuyên môn hàng ngày của cơ quan, tổ chức và cá nhân là đối tượng được kiểm tra.
- Kết hợp nội dung kiểm tra CCHC chuyên đề của các sở, ngành, trong đó chú trọng, tập trung hướng dẫn các nội dung công tác CCHC còn hạn chế, có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Kết thúc hoạt động kiểm tra năm 2025 phải kịp thời báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo khắc phục, hoàn thiện những vấn đề còn tồn tại, bất cập; khẩn trương chấn chỉnh, xử lý những tập thể, cá nhân sai phạm nếu có.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra chỉ đạo chuẩn bị nghiêm túc, đầy đủ báo cáo, hồ sơ, tài liệu và các nội dung liên quan phục vụ hoạt động kiểm tra.

## **II. NỘI DUNG KIỂM TRA**

### **1. Kiểm tra theo Kế hoạch**

- Tình hình thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025 của các cơ quan, đơn vị; trong đó tập trung vào các nội dung về xây dựng, ban hành, triển khai kế hoạch CCHC; công tác tuyên truyền về CCHC; công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện...;

- Việc triển khai và kết quả tiến độ thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao.

- Việc thực hiện các quy định về phân cấp, uỷ quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

- Đối với các sở, ngành là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố về các lĩnh vực CCHC, ngoài nội dung trên, có kiểm tra về trách nhiệm trong công tác tham mưu thực hiện tại Kế hoạch CCHC nhà nước thành phố Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025.

- Tình hình và tiến độ, kết quả thực hiện công tác CCHC ở cơ quan, đơn vị, địa phương trên các lĩnh vực: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Các nội dung khác có liên quan đến công tác CCHC.

*(Nội dung chi tiết tại Đề cương báo cáo kiểm tra kèm theo)*

### **2. Kiểm tra đột xuất**

Trong trường hợp cần thiết, Trưởng đoàn Đoàn kiểm tra chỉ đạo kiểm tra đột xuất một số sở, ngành, địa phương trong thực hiện công tác CCHC và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

### **3. Kiểm tra chuyên đề**

Các Sở, ngành tiến hành kiểm tra chuyên đề tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao; trường hợp cuộc kiểm tra chuyên đề do Sở, ngành thực hiện có sự trùng hợp về đối tượng và thời gian kiểm tra nêu tại Kế hoạch này thì thực hiện kiểm tra lồng ghép để tránh chồng chéo.

## **III. THỜI GIAN, THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA, PHƯƠNG PHÁP, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA**

1. Thời gian thực hiện kiểm tra: Từ tháng 8/2025 đến tháng 11/2025.

### **2. Thành phần Đoàn kiểm tra**

2.1. Thành phần Đoàn kiểm tra của thành phố:

- Trường đoàn: Ông Hoàng Minh Cường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

- Phó Trường đoàn Thường trực: Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

- Các Phó Trường đoàn: Lãnh đạo các Sở, ngành: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Thanh tra thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

- Các thành viên Đoàn: Lãnh đạo, Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc các Sở, ngành: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Thanh tra thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

- Thư ký Đoàn: Chuyên viên Phòng Cải cách hành chính và Pháp chế, Sở Nội vụ.

## 2.2. Thành phần cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra:

- Đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra;

- Lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công (đối với cấp xã).

- Công chức, viên chức có liên quan đến các nội dung công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương.

## 3. Phương pháp kiểm tra:

### 3.1. Kiểm tra theo Kế hoạch, có thông báo trước:

- Đoàn kiểm tra thông báo lịch kiểm tra.

- Đoàn kiểm tra trực tiếp làm việc tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đại diện cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra báo cáo và trao đổi với Đoàn kiểm tra những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

### 3.2. Kiểm tra đột xuất:

Kiểm tra tại trụ sở cơ quan, đơn vị, địa phương; các địa điểm giải quyết thủ tục hành chính, địa điểm tiếp công dân; các phòng, ban, bộ phận, đơn vị và các địa điểm khác có liên quan.

## 4. Đối tượng kiểm tra:

### 4.1. Kiểm tra theo Kế hoạch

- Các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Trên cơ sở theo dõi công tác cải cách hành chính, Sở Nội vụ lựa chọn đơn vị kiểm tra, đảm bảo tối thiểu 20% cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

### 4.2. Kiểm tra đột xuất

Ngoài các đơn vị được thông báo trước, căn cứ tình hình thực tiễn, trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ, Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra đột xuất, không thông báo trước đối với một số các cơ quan, đơn vị, địa phương.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra của thành phố;

- Thông báo lịch kiểm tra cho các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra; ban hành Thông báo kết luận kiểm tra.

- Bố trí phương tiện đi chung cho Đoàn kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2025 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố.

## **2. Các Sở, ngành: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố**

- Cử lãnh đạo, công chức tham gia Đoàn kiểm tra của thành phố.

- Kiểm tra, hướng dẫn các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ động trao đổi, thống nhất với Sở Nội vụ để kết hợp nội dung kiểm tra CCHC chuyên đề của Sở, ngành (nếu có) với hoạt động kiểm tra của Đoàn kiểm tra để đảm bảo các nội dung trong kiểm tra CCHC chỉ được kiểm tra một lần tại mỗi cơ quan, đơn vị trong năm 2025.

## **3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra**

- Xây dựng Báo cáo phục vụ kiểm tra theo đề cương gửi kèm Kế hoạch này, gửi Sở Nội vụ trước khi kiểm tra ít nhất 03 ngày làm việc.

- Báo cáo, cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu, nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; bố trí lãnh đạo và công chức có liên quan làm việc trực tiếp với Đoàn kiểm tra.

## **4. Các cơ quan báo chí của thành phố:**

Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử thành phố phối hợp ghi hình, đưa tin phục vụ công tác tuyên truyền nội dung CCHC.

## **V. KINH PHÍ**

Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra: Từ nguồn kinh phí CCHC năm 2025 bố trí cho hoạt động của cơ quan thường trực CCHC năm 2025.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC nhà nước năm 2025. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh qua Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

**PHỤ LỤC**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Phục vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2025**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Công tác chỉ đạo điều hành**

- Việc xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC): *(Sau hợp nhất)*.
- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực).
- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC
- + Tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch: ... nhiệm vụ.
- + Số nhiệm vụ đã hoàn thành: ... nhiệm vụ.
- + Số nhiệm vụ đang thực hiện: ... nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao năm 2025 *(tính từ 01/7/2025 đến thời điểm báo cáo)*.
- + Tổng số nhiệm vụ được giao: ... nhiệm vụ.
- + Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: ... nhiệm vụ.
- + Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn: ... nhiệm vụ.
- + Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành: ... nhiệm vụ.
- Những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình, mô hình tốt trong CCHC đã được triển khai áp dụng *(bao gồm cả sáng kiến của cơ quan vị cũ)*.
- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra CCHC lồng ghép với kiểm tra kỷ luật, kỷ cương công vụ.

**2. Thông tin, tuyên truyền**

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC.
- Kết quả thực hiện kế hoạch: nội dung thông tin, tuyên truyền; các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành kế hoạch.

**3. Việc thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ; Công tác tiếp công dân.**

- Việc ban hành Quy chế về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Công tác chuẩn bị tiếp công dân, việc thực hiện tiếp công dân thường xuyên và định kỳ, đột xuất của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.
- Kết quả thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thuộc thẩm quyền.
- Việc cập nhật phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

- Việc thực hiện chế độ bồi dưỡng cán bộ, công chức, người làm công tác tiếp công dân theo quy định tại Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố (đối với các đơn vị, địa phương thuộc khu vực đông Hải Phòng); Thông tư 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính (đối với các đơn vị, địa phương thuộc khu vực tây Hải Phòng) và các văn bản có liên quan.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật.
- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.
- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:
- + Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra: %
- + Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra.
- + Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong.
- + Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát: %
- + Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát.
- + Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong.
- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật tại các cơ quan, đơn vị.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính**

- Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận.... Trong đó:
- + Số hồ sơ đã giải quyết...
- + Số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn...; đạt tỷ lệ ...%.
- + Số hồ sơ quá hạn...
- + Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến ...
- Tỷ lệ thủ tục hành chính được đưa ra thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công %.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia %.
- Tỷ lệ hồ sơ được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công %.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố %.
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương được cập nhật, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

của thành phố hoặc trên Hệ thống do Bộ, ngành Trung ương quản lý %.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia %.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính %.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử %.

- Tỷ lệ dữ liệu thông tin thủ tục hành chính được khai thác, tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin %.

- Phản ánh, kiến nghị (PAKN) về tiếp nhận và giải quyết TTHC, trong đó:

+ Tổng số PAKN tiếp nhận....

+ Tổng số PAKN đã được giải quyết....

- Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách TTHC.

- Hình thức triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính (*Mức độ hài lòng tối thiểu 95%, trong đó lĩnh vực đất đai tối thiểu 90%*).

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính**

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị.

- Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị trực thuộc.

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, thành phố về tổ chức bộ máy.

- Tình hình quản lý biên chế.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Về phân cấp quản lý

Thực hiện các quy định phân cấp tại địa phương theo Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 12/7/2025 của UBND thành phố triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng:

- Tổ chức quán triệt nội dung của các Nghị định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp.

- Rà soát, báo cáo, đề xuất các nội dung cơ quan Trung ương phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Số lượng cán bộ, công chức có mặt/Chỉ tiêu được phân bổ.

- Chất lượng, trình độ cán bộ, công chức, viên chức.
- Kết quả kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

### **5. Cải cách tài chính công**

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.
- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Tổng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Trong đó:
  - + Số đơn vị thuộc nhóm 1 (*đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*)...
  - + Số đơn vị thuộc nhóm 2 (*đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên*)...
  - + Số đơn vị thuộc nhóm 3 (*đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên*)...
  - + Số đơn vị thuộc nhóm 4 (*đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên*)...
- Tổng thu/chi ngân sách địa phương....
- Tình hình giải ngân vốn đầu tư công....
- Triển khai các nội dung về việc nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI.

### **6. Về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

- a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của thành phố: Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử; Cổng dịch vụ công.
- b) Kết quả tổ chức thực hiện
  - Về phát triển hạ tầng số quốc gia.
  - Về phát triển nền tảng và hệ thống số quy mô quốc gia.
  - Về phát triển dữ liệu số quốc gia.
  - Về phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ thuộc phạm vi quản lý của thành phố.
  - Về phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG CỬA ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**

- 1. Những kết quả tích cực đã đạt được**
- 2. Những tồn tại, hạn chế**

#### **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Công tác chỉ đạo điều hành.
2. Về cải cách thể chế.
3. Về cải cách TTHC.
4. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.
5. Về cải cách chế độ công vụ.
6. Về cải cách tài chính công.
7. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

#### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Với thành phố.
2. Với Bộ, ngành Trung ương

*(Số liệu báo cáo tính từ 01/07/2025 đến thời điểm báo cáo).*

